TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26**/2025/HS-ST
Ngày: 23/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mai Khanh.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/HSST-TB ngày 14 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Yến L; Sinh ngày: 21/9/1973; Tại: Tỉnh Phú Thọ; Hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú: 237/6 đường KTH, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Kim T (chết) và bà: Trần Thị Th; Có chồng: Là ông Lê Thanh H (đã ly hôn năm 2019) và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Mai Văn Minh C; Sinh năm: 1964; Thường trú: 160/5 đường HV, khóm 1, Phường B, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: 36-38 đường MXT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Thạch Thụy Thanh Th1; Sinh năm: 1974; Thường trú: 163B đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 44 đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn L1 (H1); Sinh năm: 1969; Trú tại: A4/100B, tổ 4, ấp 1, xã PP, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Lê Văn T1; Sinh năm: 1975; Thường trú: 128B đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 46/27A đường MP, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thu H2; Sinh năm: 1987; Trú tại: 179B đường BS, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Ông He Thanh T2; Sinh năm: 1980; Thường trú: 115B/2 đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 173/230 đường ADV, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

7. Ông Vũ Thế H3; Sinh năm: 1968; Trú tại: 1724E/7 đường PTH, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Hữu H4; Sinh năm: 1955; Trú tại: 3030/27/8/6 đường PTH, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị H5 (Nh); Sinh năm: 1998; Thường trú: 10 đường TB, khu phố E, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 212B/097 đường NT, phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

10. Ông Nguyễn Văn M; Sinh năm: 1962; Trú tại: 20/1/7 đường ML, khu phố 1, phường BTĐ A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

11. Ông Lê Hữu Nh1; Sinh năm: 1982; Trú tại: 185 đường Liên tỉnh 5, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

12. Ông Trần Thanh Q; Sinh năm: 2001; Thường trú: 124 đường BV, phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 212B/094 đường NT, phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

13. Ông Trương Văn H6; Sinh năm: 1970; Thường trú: 517/5 đường BĐ, Phường A3, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A26 đường Quốc lộ 50, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

14. Ông Huỳnh Chí Th2; Sinh năm: 1957; Trú tại: 1951/10 đường PTH, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

15. Ông Nguyễn Văn L2; Sinh năm: 1994; Thường trú: 10 đường TB, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 10/2 đường ADV, Phường A0, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

16. Bà Nguyễn Thị Cẩm L3; Sinh năm: 1984; Trú tại: 114B/5 đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/6/2024, tổ công tác thuộc Công an Phường 2, Quận 6 trên đường tuần tra phát hiện Nguyễn Thị Yến L đang đi thu tiền góp của những người vay tiền ở khu vực chợ Bình Tây, nên Tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, đã thu giữ của L 01 cuốn sổ có bìa màu xanh lưu nhiều thông tin liên quan đến việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao, nên đã giao L cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Yến L khai: Bắt đầu từ cuối năm 2023, L đã cho nhiều người ở khu vực chợ Bình Tây, Phường 2, Quận 6 vay tiền, trong đó số tiền cho vay thấp nhất là 3.000.000 đồng, số tiền cho vay nhiều nhất là 50.000.000 đồng với lãi suất từ 110,6% đến 243,3%/năm. Những người vay tiền của L sẽ trả góp theo ngày (gồm một phần tiền nợ gốc và lãi). Sau khi thỏa thuận số tiền, hình thức vay và lãi suất cho vay, L sẽ đưa tiền mặt và mỗi ngày L sẽ trực tiếp đến nơi ở hoặc nơi làm việc của người vay để lấy tiền góp. Khi vay tiền, người vay không phải đưa giấy tờ hay thế chấp tài sản gì cho L. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, L đã thực hiện cho 16 người vay tiền với tổng số 68 hợp đồng vay. Cụ thể:

1. Ông Mai Văn Minh C vay 03 hợp đồng (đã kết thúc) và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 03 hợp đồng này là 5.013.699 đồng.

- Lần 1: Ngày 05/02/2024, ông C vay 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông C đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 14/3/2024, ông C vay 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông C đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 14/4/2024, ông C vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông C

đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

2. Bà Thạch Thụy Thanh Th1 vay 01 hợp đồng (đã kết thúc), số tiền vay là 3.000.000 đồng vào ngày 16/5/2024, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 33 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 110,6%/năm). Bà Th1 đã góp được 27 ngày, số tiền là 2.700.000 đồng (trong đó tiền lãi là 245.455 đồng, tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 201.071 đồng. Bà Th1 còn nợ lại số tiền vay là 545.500 đồng.

3. Ông Nguyễn Văn L1 vay 04 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 04 hợp đồng này là 5.515.069 đồng.

- Lần 1: Ngày 30/01/2024, ông L1 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông L1 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 15/3/2024, ông L1 vay số tiền 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông L1 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 16/4/2024, ông L1 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông L1 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 28/5/2024, ông L1 vay số tiền 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Đến ngày 18/6/2024, ông L1 đã góp được 18 ngày, số tiền là 3.600.000 đồng (trong đó tiền lãi là 600.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 98.630 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 501.370 đồng. Ông L1 còn nợ lại số tiền vay là 7.000.000 đồng.

4. Ông Lê Văn T1 vay 04 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 04 hợp đồng này là 27.534.246 đồng.

- Lần 1: Ngày 20/02/2024, ông T2 vay 50.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 243,3%/năm). Đến ngày 02/3/2024, ông T2 đã góp được 12 ngày, tổng cộng là 24.000.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ, nên ngày 03/3/2024 ông T2 thỏa thuận vay thêm 50.000.000 đồng để thanh toán cho khoản vay lần 1. Như vậy, tính đến ngày 03/3/2024, ông T2 đã trả đủ cho L 30 ngày, tổng cộng là

60.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 9.178.082 đồng.

- Lần 2: Ngày 03/3/2024, ông T2 vay 50.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 243,3%/năm). Sau khi trừ 36.000.000 đồng tiền vay của lần 1, còn lại L đưa cho ông T2 14.000.000 đồng. Đến ngày 12/3/2024, ông T2 đã góp được 08 ngày, số tiền là 16.000.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ, nên ngày 12/3/2024 ông T2 thỏa thuận vay thêm 50.000.000 đồng để thanh toán cho khoản vay lần 2. Như vậy, tính đến ngày 12/3/2024, ông T2 đã trả đủ cho L 30 ngày, tổng cộng là 60.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 9.178.082 đồng.

- Lần 3: Ngày 12/3/2024, ông T2 vay 50.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 243,3%/năm). Sau khi trừ 44.000.000 đồng tiền vay của lần 2, còn lại L đưa cho ông T2 6.000.000 đồng. Đến ngày 29/3/2024, ông T2 đã góp được 14 ngày, số tiền là 28.000.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ, nên ngày 12/4/2024 ông T2 thỏa thuận vay thêm 50.000.000 đồng để thanh toán cho khoản vay lần 3. Như vậy, tính đến ngày 12/4/2024, ông T2 đã trả đủ cho L 30 ngày, tổng cộng là 60.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 9.178.082 đồng.

- Lần 4: Ngày 12/4/2024, ông T2 vay 50.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 243,3%/năm). Sau khi trừ 32.000.000 đồng tiền vay của lần 3, còn lại L đưa cho ông T2 18.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông T2 chưa góp cho L ngày nào thì đã bị Công an phát hiện. Ông T2 còn nợ số tiền vay là 18.000.000 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H2 vay 04 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 04 hợp đồng này là 5.710.274 đồng.

- Lần 1: Ngày 21/12/2023, bà H2 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà H đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 23/02/2024, bà H2 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà H đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 28/3/2024, bà H2 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà H2 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000

đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 20/5/2024, bà H2 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Đến ngày 18/6/2024, bà H2 đã góp được 25 ngày, số tiền là 5.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 833.561 đồng, tiền lãi hợp pháp là 136.986 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 696.575 đồng. Bà H2 còn nợ lại số tiền vay là 5.833.561 đồng.

6. Ông He Thanh T2 vay 05 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 05 hợp đồng này là 6.196.928 đồng.

- Lần 1: Ngày 19/02/2024, ông T2 vay 20.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 22 ngày (mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 165,9%/năm). Ông T2 đã góp đủ 22 ngày, tổng cộng là 22.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 241.096 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.758.904 đồng.

- Lần 2: Ngày 05/3/2024, ông T2 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 22 ngày (mỗi ngày góp 500.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 165,9%/năm). Ông T2 đã góp đủ 22 ngày, tổng cộng là 11.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 120.548 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 879.452 đồng.

- Lần 3: Ngày 07/3/2024, ông T2 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 22 ngày (mỗi ngày góp 500.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 165,9%/năm). Ông T2 đã góp đủ 22 ngày, tổng cộng là 11.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 120.548 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 879.452 đồng.

- Lần 4: Ngày 22/4/2024, ông T2 vay 20.000.000 đồng (L dùng 20.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 22 ngày (mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 165,9%/năm). Ông T2 đã góp được 14 ngày, số tiền là 14.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.272.727 đồng, tiền lãi hợp pháp là 153.425 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.119.302 đồng. Ông T2 còn nợ lại số tiền vay là 7.272.727 đồng.

- Lần 5: Ngày 22/4/2024, ông T2 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông T2 đã góp được 56 ngày, số tiền là 11.200.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.866.667 đồng, tiền lãi hợp pháp là 306.849 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.559.818 đồng. Ông T2 còn nợ lại số tiền vay là 666.667 đồng.

7. Ông Vũ Thế H3 vay 04 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 04 hợp đồng này là 5.598.631 đồng.

- Lần 1: Ngày 14/12/2023, ông H3 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H3 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000

đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 22/3/2024, ông H3 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H3 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 19/4/2024, ông H3 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H3 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 22/5/2024, ông H3 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H3 đã góp được 21 ngày, số tiền là 4.200.000 đồng (trong đó tiền lãi là 700.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 115.068 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 584.932 đồng. Ông H3 còn nợ lại số tiền vay là 6.500.000 đồng.

8. Ông Nguyễn Hữu H4 vay 06 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 06 hợp đồng này là 6.935.615 đồng.

- Năm 2023, ông H4 vay 03 hợp đồng, mỗi hợp đồng vay 5.000.000 đồng (tổng cộng là 15.000.000 đồng và cả 03 hợp đồng đều đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời gian góp mỗi hợp đồng 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng/ hợp đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H4 đã góp đủ 03 hợp đồng, tổng số tiền là 18.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 3.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 493.152 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 2.506.848 đồng.

- Lần 4: Ngày 17/01/2024, ông H4 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H4 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 5: Ngày 07/3/2024, ông H4 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H4 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 6: Ngày 08/5/2024, ông H4 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 4 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông H4 đã góp được 39 ngày, số tiền là 7.800.000 đồng (trong đó tiền lãi là

1.300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 213.699 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.086.301 đồng. Ông H4 còn nợ lại số tiền vay là 3.500.000 đồng.

9. Bà Nguyễn Thị H5 vay 03 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 03 hợp đồng này là 4.484.475 đồng.

- Lần 1: Ngày 31/01/2024, bà H5 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà H5 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 06/4/2024, bà H5 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà H5 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Do không có khả năng trả góp lần 2, nên ngày 08/5/2024 bà H5 thỏa thuận vay thêm 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Sau khi trừ 5.600.000 đồng tiền vay của lần 2, còn lại L đưa cho bà H5 4.400.000 đồng. Đến ngày 18/6/2024, bà H5 đã góp được 41 ngày, số tiền là 8.200.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.366.667 đồng, tiền lãi hợp pháp là 224.658 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.142.009 đồng. Bà H5 còn nợ lại số tiền vay là 3.166.667 đồng.

10. Ông Nguyễn Văn M vay 09 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 09 hợp đồng này là 6.431.459 đồng.

- Lần 1: Ngày 09/01/2024, ông M vay 5.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

- Lần 2: Ngày 29/01/2024, ông M vay 5.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

- Lần 3: Ngày 02/3/2024, ông M vay 5.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

- Lần 4: Ngày 09/3/2024, ông M vay 3.000.000 đồng (L dùng 3.000.000 đồng trong khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 60.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M

đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 3.600.000 đồng (trong đó tiền lãi là 600.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 98.630 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 501.370 đồng.

- Lần 5: Ngày 28/3/2024, ông M vay 5.000.000 đồng (L dùng 5.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

- Lần 6: Ngày 02/5/2024, ông M vay 5.000.000 đồng (L dùng 5.000.000 đồng của khoản vay lần 3 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

- Lần 7: Ngày 05/5/2024, ông M vay 8.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 160.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 9.600.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.600.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 263.014 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.336.986 đồng.

- Lần 8: Ngày 01/6/2024, ông M vay 5.000.000 đồng (L dùng 3.000.000 đồng của khoản vay lần 4 và phụ thêm 2.000.000 đồng để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp được 17 ngày, số tiền là 1.700.000 đồng (trong đó tiền lãi là 283.333 đồng, tiền lãi hợp pháp là 46.575 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 236.758 đồng. Ông M còn nợ lại số tiền vay là 3.583.333 đồng.

- Lần 9: Ngày 12/6/2024, ông M vay 8.000.000 đồng (L dùng 5.000.000 đồng của khoản vay lần 5 và phụ thêm 3.000.000 đồng để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 160.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông M đã góp được 08 ngày, số tiền là 1.280.000 đồng (trong đó tiền lãi là 213.333 đồng, tiền lãi hợp pháp là 35.068 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 178.265 đồng. Ông M còn nợ lại số tiền vay là 6.933.333 đồng.

11. Ông Lê Hữu Nh1 vay 04 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 04 hợp đồng này là 5.292.237 đồng.

- Lần 1: Ngày 18/12/2023, ông Nh1 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Nh1 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/3/2024, ông Nh1 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Nh1 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là

2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 16/4/2024, ông Nh1 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Nh1 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 07/6/2024, ông Nh1 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Nh1 đã góp được 10 ngày, số tiền là 2.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 333.333 đồng, tiền lãi hợp pháp là 54.795 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 278.538 đồng. Ông Nh1 còn nợ lại số tiền vay là 8.333.333 đồng.

12. Ông Trần Thanh Q vay 03 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 03 hợp đồng này là 4.540.183 đồng.

- Lần 1: Ngày 26/12/2023, ông Q vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Q đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 08/3/2024, ông Q vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Q đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 03/5/2024, ông Q vay 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Q đã góp được 43 ngày, số tiền là 8.600.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.433.333 đồng, tiền lãi hợp pháp là 235.616 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.197.717 đồng. Ông Q còn nợ lại số tiền vay là 2.833.333 đồng.

13. Ông Trương Văn H6 vay 05 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 05 hợp đồng này là 1.458.355 đồng.

- Lần 1: Ngày 23/01/2024, ông H6 vay 3.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 36 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 202,8%/năm). Ông H6 đã góp đủ 36 ngày, tổng cộng là 3.600.000 đồng (trong đó tiền lãi là 600.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 59.178 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 540.822 đồng.

- Lần 2: Ngày 28/02/2024, ông H6 vay 3.000.000 đồng (L dùng 3.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 33 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 110,6%/năm). Ông

H6 đã góp đủ 33 ngày, tổng cộng là 3.300.000 đồng (trong đó tiền lãi là 300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 54.247 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 245.753 đồng.

- Lần 3: Ngày 28/3/2024, ông H6 vay 3.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 33 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 110,6%/năm). Ông H6 đã góp đủ 33 ngày, tổng cộng là 3.300.000 đồng (trong đó tiền lãi là 300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 54.247 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 245.753 đồng.

- Lần 4: Ngày 09/5/2024, ông H6 vay 3.000.000 đồng (L dùng 3.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 33 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 110,6%/năm). Ông H6 đã góp đủ 33 ngày, tổng cộng là 3.300.000 đồng (trong đó tiền lãi là 300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 54.247 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 245.753 đồng.

- Lần 5: Ngày 04/6/2024, ông H6 vay 3.000.000 đồng (L dùng 3.000.000 đồng của khoản vay lần 3 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 36 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 202,8%/năm). Ông H6 đã góp được 12 ngày, số tiền là 1.200.000 đồng (trong đó tiền lãi là 200.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 19.726 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 180.274 đồng. Ông H6 còn nợ lại số tiền vay là 2.000.000 đồng.

14. Ông Huỳnh Chí Th2 vay 06 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 06 hợp đồng này là 8.439.727 đồng.

- Lần 1: Ngày 29/01/2024, ông Th2 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Th2 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 06/3/2024, ông Th2 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Th2 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 30/3/2024, ông Th2 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Th2 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 25/4/2024, ông Th2 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Th2 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 5: Ngày 21/5/2024, ông Th2 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 2 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Th2 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 6: Ngày 14/6/2024, ông Th2 vay 10.000.000 đồng (L dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 3 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông Th2 đã góp được 03 ngày, số tiền là 600.000 đồng (trong đó tiền lãi là 100.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 16.438 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 83.562 đồng. Ông Th2 còn nợ lại số tiền vay là 9.500.000 đồng.

15. Ông Nguyễn Văn L2 vay 02 hợp đồng và L đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 02 hợp đồng này là 1.058.447 đồng.

Lần 1: Ngày 03/5/2024, ông L2 vay 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ông T đã góp được 28 ngày, tổng cộng là 2.800.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ, nên ngày 01/6/2024 ông L2 thỏa thuận vay thêm 5.000.000 đồng để thanh toán cho khoản vay lần 1. Như vậy, ông L2 đã trả đủ cho L 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

- Lần 2: Ngày 01/6/2024, ông L2 vay 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Sau khi trừ 3.200.000 đồng tiền vay của lần 1, còn lại L đưa cho ông L2 1.800.000 đồng. Đến ngày 18/6/2024, ông L2 đã góp được 16 ngày, số tiền là 1.600.000 đồng (trong đó tiền lãi là 266.667 đồng, tiền lãi hợp pháp là 43.836 đồng), L thu lợi bất chính số tiền 222.831 đồng. Ông L2 còn nợ lại số tiền vay là 466.667 đồng.

16. Bà Nguyễn Thị Cẩm L3 vay 05 hợp đồng và L3 đã thu lợi bất chính tổng cộng trên 05 hợp đồng này là 6.740.640 đồng.

- Lần 1: Ngày 13/01/2024, bà L3 vay 10.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà L3 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 2: Ngày 31/01/2024, bà L3 vay 5.000.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà L3 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 835.616 đồng.

- Lần 3: Ngày 14/3/2024, bà L3 vay 10.000.000 đồng (L3 dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 1 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60

ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà L3 đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 17/4/2024, bà L3 vay 10.000.000 đồng (L3 dùng 5.000.000 đồng của khoản vay lần 2 và phụ thêm 5.000.000 đồng để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Bà L đã góp đủ 60 ngày, tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng). L thu lợi bất chính số tiền 1.671.233 đồng.

- Lần 5: Ngày 15/5/2024, bà L3 vay 10.000.000 đồng (L3 dùng 10.000.000 đồng của khoản vay lần 3 để cho vay), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 60 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm). Ngày 18/6/2024, bà L3 đã góp được 32 ngày, số tiền là 6.400.000 đồng (trong đó tiền lãi là 1.066.667 đồng, tiền lãi hợp pháp là 175.342 đồng). L3 thu lợi bất chính số tiền 891.325 đồng. Bà L còn nợ lại số tiền vay là 4.666.667 đồng.

Cơ quan điều tra Công an Quận 6 tiến hành cho các ông, bà Mai Văn Minh C, Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3 nhận dạng người qua hình ảnh. Các ông, bà này đều xác định Nguyễn Thị Yến L chính là người đã cho các ông, bà vay tiền với lãi suất cao (phù hợp lời khai và nhận dạng người qua hình ảnh của Nguyễn Thị Yến L).

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 155/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Yến L về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» (Quyết định số: 226/QĐ-ĐCSHS).

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKS-Q6 ngày 20 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí M đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Yến L về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị Yến L khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng như nội dung bản cáo trạng nêu. Và bị cáo khai tổng số tiền mà bị cáo bỏ ra để cho vay trong khoản thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024 là 391.200.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền trên 100.000.000 đồng, đồng thời xác nhận lời khai của bị cáo tại Biên bản hỏi cung ngày 19/02/2025 được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa là chính xác, đúng với toàn bộ diễn biến sự việc liên quan đến việc cho vay lãi nặng giữa bị cáo và các ông, bà Mai Văn Minh C, Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị

H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Yến L như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến L từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo khoản 2 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L nộp lại số tiền 317.028.899 đồng (trong đó, tiền bị cáo dùng để cho vay là 300.398.212 đồng; tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 16.630.687 đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bà Thạch Thụy Thanh Th1 nộp lại 545.500 đồng; ông Nguyễn Văn L1 nộp lại 7.000.000 đồng; ông Lê Văn T1 nộp lại 18.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2 nộp lại 5.833.561 đồng; ông He Thanh T2 nộp lại 7.939.394 đồng; ông Vũ Thế H3 nộp lại 6.500.000 đồng; ông Nguyễn Hữu H4 nộp lại 3.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị H5 nộp lại 3.166.667 đồng; ông Nguyễn Văn M nộp lại 10.516.666 đồng; ông Lê Hữu Nh1 nộp lại 8.333.333 đồng; ông Trần Thanh Q nộp lại 2.833.333 đồng; ông Trương Văn H6 nộp lại 2.000.000 đồng; ông Huỳnh Chí Th2 nộp lại 9.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn L2 nộp lại 466.667 đồng; bà Nguyễn Thị Cẩm L3 nộp lại 4.666.667 đồng, là số tiền mà các ông, bà này đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Thị Yến L để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L trả lại ông Mai Văn Minh C 5.013.699 đồng; trả lại bà Thạch Thụy Thanh Th1 201.071 đồng; trả lại ông Nguyễn Văn L1 5.515.069 đồng; trả lại ông Lê Văn T1 27.534.246 đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Thu H2 5.710.274 đồng; trả lại ông He Thanh T2 6.196.928 đồng; trả lại ông Vũ Thế H3 5.598.631 đồng; trả lại ông Nguyễn Hữu H4 6.935.615 đồng; trả lại bà Nguyễn Thị H5 4.484.475 đồng; trả lại ông Nguyễn Văn M 6.431.459 đồng; trả lại ông Lê Hữu Nh1 5.292.237 đồng; trả lại ông Trần Thanh Q 4.540.183 đồng; trả lại ông Trương Văn H6 1.458.355 đồng; trả lại ông Huỳnh Chí Th2 8.439.727 đồng; trả lại ông Nguyễn Văn L2 1.058.447 đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Cẩm L3 6.740.640 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, số seri: F2LTQCY8HX9F.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 viết bi màu xanh (có chữ Thiên Long); 01 viết bi màu đỏ (có chữ Thiên Long); 01 giỏ xách màu nâu; 01 sim điện thoại số sim 8401220450123025 (số thuê bao 0909270636).

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Yến L số tiền 17.530.000 đồng, nhưng cần tạm giữ lại số tiền này cùng với số tiền 150.000.000 đồng mà bị cáo đã tạm nộp theo

Biên lai thu số: 0065225 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 để đảm bảo nghĩa vụ của bị cáo.

Đối với 01 cuốn sổ có bìa màu xanh, bên trong lưu thông tin những người vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị Yến L (BL343), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị Yến L nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất, bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người Tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Yến L tại phiên tòa với Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu (trong đó có 01 cuốn sổ bìa màu xanh, bên trong lưu thông tin những người vay tiền của bị cáo); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Mai Văn Minh C, Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận trong khoản thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, bị cáo Nguyễn Thị Yến L đã thực hiện cho 16 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền với tổng số 68 hợp đồng, tổng số tiền cho vay là 391.200.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là 117.781.743 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 101.151.056 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay từ 110,6% đến 243,3%/năm - vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao

nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm). Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương mà còn xâm phạm lợi ích của công dân, làm cho người vay tiền có thể lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» thuộc trường hợp «Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên» theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị Yến L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, bị nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ vụ lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng người lao động có nhu cầu vay tiền, bị cáo đã cố tình cho vay với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Yến L, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; hiện có việc làm ổn định; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có người bảo lãnh. Từ khi được tại ngoại đến nay, bị cáo không vi phạm pháp luật; thời gian cư trú tại địa phương, bị cáo đã không gây nguy hại, tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Và qua xem xét, đánh giá toàn diện hồ sơ vụ án, hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, giúp Nhà nước giảm chi phí trong công tác thi hành án phạt tù tại các trại giam và cũng là tạo điều kiện để bị cáo được sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị Yến L còn có thể bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị Yến L dùng để cho các ông, bà Mai Văn Minh C, Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3 vay (tiền gốc) là 391.200.000 đồng, trong đó số tiền bị cáo thực tế đã được nhận là 300.398.212 đồng. Xét đây là phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Tổng số tiền lãi mà bị cáo Nguyễn Thị Yến L đã nhận của các ông, bà Mai Văn Minh C, Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1ộc, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3 theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 16.630.687 đồng. Số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng xét đây cũng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội, do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung, nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.3] Đối với số tiền mà các ông, bà Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3 đã vay (tiền gốc) chưa trả hết cho bị cáo Nguyễn Thị Yến L, Hội đồng xét xử buộc các ông, bà này phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể, buộc bà Thảo nộp lại 545.500 đồng; ông L1 nộp lại 7.000.000 đồng; ông T nộp lại 18.000.000 đồng; bà H nộp lại 5.833.561 đồng; ông T2 nộp lại 7.939.394 đồng; ông H nộp lại 6.500.000 đồng; ông H1 nộp lại 3.500.000 đồng; bà H2 nộp lại 3.166.667 đồng; ông M nộp lại 10.516.666 đồng; ông Nhân nộp lại 8.333.333 đồng; ông Q nộp lại 2.833.333 đồng; ông Hòa nộp lại 2.000.000 đồng; ông Th nộp lại 9.500.000 đồng; ông L2 nộp lại 466.667 đồng; bà L nộp lại 4.666.667 đồng.

[7.4] Quá trình điều tra, các ông, bà Mai Văn Minh C, Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3 khai sử dụng vốn vay nhằm mục đích chi tiêu sinh hoạt cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L trả lại ông Mai Văn Minh C 5.013.699 đồng;

trả lại bà Thạch Thụy Thanh Th1 201.071 đồng; trả lại ông Nguyễn Văn L15.515.069 đồng; trả lại ông Lê Văn T1 27.534.246 đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Thu H2 5.710.274 đồng; trả lại ông He Thanh T2 6.196.928 đồng; trả lại ông Vũ Thế H3 5.598.631 đồng; trả lại ông Nguyễn Hữu H4 6.935.615 đồng; trả lại bà Nguyễn Thị H5 4.484.475 đồng; trả lại ông Nguyễn Văn M 6.431.459 đồng; trả lại ông Lê Hữu Nh1 5.292.237 đồng; trả lại ông Trần Thanh Q 4.540.183 đồng; trả lại ông Trương Văn H6 1.458.355 đồng; trả lại ông Huỳnh Chí Th2 8.439.727 đồng; trả lại ông Nguyễn Văn L2 1.058.447 đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Cẩm L3 6.740.640 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo Nguyễn Thị Yến L thực tế đã thu của các ông, bà này (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm).

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà bị cáo Nguyễn Thị Yến L dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, số seri: F2LTQCY8HX9F, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 viết bi màu xanh (có chữ Thiên Long); 01 viết bi màu đỏ (có chữ Thiên Long); 01 giỏ xách màu nâu; 01 sim điện thoại số sim 8401220450123025 (số thuê bao 0909270636), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với số tiền 17.530.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Yến L. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ căn cứ xác định do bị cáo phạm tội mà có hay bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy cần tạm giữ lại số tiền này cùng với số tiền 150.000.000 đồng mà bị cáo đã tạm nộp theo Biên lai thu số: 0065225 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 để đảm bảo nghĩa vụ của bị cáo. Sau khi thi hành án xong, số tiền còn lại (nếu có) trả cho bị cáo.

(theo hai Phiếu nhập kho vật chứng số: 03/PNK ngày 10 tháng 01 năm 2025 và số: 14/PNK ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 14/QĐ-VKS-Q6 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí M; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.4] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng, số seri: JT9MKXNWXV, số máy: MQ8Q3U/A thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị

Yến L. Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho bị cáo (theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 28/8/2024 - BL208) và tại phiên tòa, bị cáo xác nhận đã được nhận lại chiếc điện thoại, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.5] Đối với 01 cuốn sổ có bìa màu xanh, bên trong lưu thông tin những người vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị Yến L (BL343), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Yến L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Yến L** số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự».

Bị cáo Nguyễn Thị Yến L có nghĩa vụ thi hành số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng để sung, nộp vào ngân sách nhà nước ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L nộp lại số tiền 317.028.899 (ba trăm mười bảy triệu không trăm hai mươi tám ngàn tám trăm chín mươi chín) đồng (trong đó, tiền bị cáo dùng để cho vay là 300.398.212 đồng; tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 16.630.687 đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bà Thạch Thụy Thanh Th1 nộp lại 545.500 (năm trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm) đồng; ông Nguyễn Văn L1nộp lại 7.000.000 (bảy triệu) đồng; ông Lê Văn T1 nộp lại 18.000.000 (mười tám triệu) đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2 nộp lại 5.833.561 (năm triệu tám trăm ba mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi mốt) đồng; ông He Thanh T2 nộp lại 7.939.394 (bảy triệu chín trăm ba mươi chín ngàn ba trăm chín mươi bốn) đồng; ông Vũ Thế H3 nộp lại 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng; ông Nguyễn Hữu H4 nộp lại 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng; bà Nguyễn Thị H5 nộp lại 3.166.667 (ba triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; ông Nguyễn Văn M nộp lại 10.516.666 (mười triệu năm trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng; ông Lê Hữu

Nh1 nộp lại 8.333.333 (tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng; ông Trần Thanh Q nộp lại 2.833.333 (hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng; ông Trương Văn H6 nộp lại 2.000.000 (hai triệu) đồng; ông Huỳnh Chí Th2 nộp lại 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng; ông Nguyễn Văn L2 nộp lại 466.667 (bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; bà Nguyễn Thị Cẩm L3 nộp lại 4.666.667 (bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, là số tiền mà các ông, bà này đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Thị Yến L để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L phải trả lại ông Mai Văn Minh C 5.013.699 (năm triệu không trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín) đồng; trả lại bà Thạch Thụy Thanh Th1 201.071 (hai trăm lẻ một ngàn không trăm bảy mươi mốt) đồng; trả lại ông Nguyễn Văn L15.515.069 (năm triệu năm trăm mười lăm ngàn không trăm sáu mươi chín) đồng; trả lại ông Lê Văn T1 27.534.246 (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi sáu) đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Thu H2 5.710.274 (năm triệu bảy trăm mười ngàn hai trăm bảy mươi bốn) đồng; trả lại ông He Thanh T2 6.196.928 (sáu triệu một trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi tám) đồng; trả lại ông Vũ Thế H3 5.598.631 (năm triệu năm trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi mốt) đồng; trả lại ông Nguyễn Hữu H4 6.935.615 (sáu triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười lăm) đồng; trả lại bà Nguyễn Thị H5 4.484.475 (bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng; trả lại ông Nguyễn Văn M 6.431.459 (sáu triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm năm mươi chín) đồng; trả lại ông Lê Hữu Nh1 5.292.237 (năm triệu hai trăm chín mươi hai ngàn hai trăm ba mươi bảy) đồng; trả lại ông Trần Thanh Q 4.540.183 (bốn triệu năm trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi ba) đồng; trả lại ông Trương Văn H6 1.458.355 (một triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn ba trăm năm mươi lăm) đồng; trả lại ông Huỳnh Chí Th2 8.439.727 (tám triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi bảy) đồng; trả lại ông Nguyễn Văn L2 1.058.447 (một triệu không trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Cẩm L3 6.740.640 (sáu triệu bảy trăm bốn mươi ngàn sáu trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày các ông, bà Mai Văn Minh C, Thạch Thụy Thanh Th1, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T1, Nguyễn Thị Thu H2, He Thanh T2, Vũ Thế H3, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn M, Lê Hữu Nh1, Trần Thanh Q, Trương Văn H6, Huỳnh Chí Th2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Cẩm L3 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Thị Yến L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Nguyễn Thị Yến L còn phải trả các ông, bà có tên trên khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, số seri: F2LTQCY8HX9F.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) viết bi màu xanh (có chữ Thiên Long); 01 (một) viết bi màu đỏ (có chữ Thiên Long); 01 (một) giỏ xách màu nâu; 01 (một) sim điện thoại số sim 8401220450123025 (số thuê bao 0909270636).

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Yến L 17.530.000 (mười bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng, nhưng cần tạm giữ lại số tiền này cùng với số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng mà bị cáo Nguyễn Thị Yến L đã tạm nộp để đảm bảo nghĩa vụ của bị cáo. Sau khi thi hành án xong, số tiền còn lại (nếu có) trả cho bị cáo.

(theo Giấy nộp tiền ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí M; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí M và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí M; Biên lai thu số: 0065225 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí M)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Yến L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị Yến L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Tp. Hồ Chí M (Tổ địa bàn 6);
- Công an Tp. Hồ Chí M (Phòng PV06);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND Tp. Hồ Chí M;
- VKSND Tp. Hồ Chí M;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí M;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Liên